16° Pièce
INDO-CHINOIS
401

THIỆN-CHIẾU

DEPOT LEGAL
• INDOCHINE •
No 22709

CHƠN-LÝ

của

TIỂU-THỪA VÀ ĐẠI-THỪA

PHẬT-GIÁO

Tirage :
2.000 exemplaires
Cholon, le 19 Mars 1937
Imp. Mỹ-Khouan - Cholon
Le Directeur : Gran-Cì

GIÁ: 0$12

16° Indo. Pièce
401

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 22709

Cu'a

Ai là người đã từng nghiên-cứu Phật-học đều thấy trong kinh, luận — Tiểu-thừa và Đại-thừa — chỉ-trích cái thuyết « Thần-ngã », Phật-giáo cho là thường-kiến. Ấy là cái tư-tưởng sai-lầm, duy-trì xả-hội bất-bình-đẳng ở Ấn-độ đời bấy giờ.

Thần, ngả tiếng phạn là Brahma (chúa-tể muôn loài) và Atman (linh-hồn không chết), hai cái danh-từ của Bà-la-môn-giáo.

Khi Phật thành đạo mới xướng lên cái thuyết «nhân duyên giả-hợp» và «chúng sanh thành Phật». đủ biết Phật-giáo không nhận có ta, đánh-đổ giai-cấp, khác hẳn với Bà-la-môn giáo là dường nào !

Vậy mà ở xứ nầy, từ những người chỉ biết đốt ba cây hương, ăn vài ngày lạt, xưng mình là người có đạo Phật, cho đến cái kẻ gọi là tuyên-dương Phật-pháp đi nữa, hễ nghe đến cái thuyết Vô-thần Vô-ngã là họ nhao-nhao lên phản-đối ! (1)

Họ tưởng như vậy là thương Phật, binh Phật, nhưng có dè đâu họ binh-vực ngoại-đạo mà không hay. Cũng không biết chừng chính họ là bọn ngoại-đạo mà mượn tên nhà Phật !

---

(1) Hiện nay tình-hình đã khác hẳn rồi !

Nếu ai muốn biết mình và người có phải chơn-chánh là người đạo Phật hay không, trước hết phải hiểu cái chơn-lý « Tam-pháp-ấn » của Tiểu-thừa và cái chơn-lý « Thiệt-tướng-ấn » của Đại-thừa cho rỏ-rệt.

THIỆN-CHIẾU

CHÚ Ý :

Trước khi in quyển sách nầy, tôi có đưa bản-thảo cho một ông bạn học Phật M. Lương-Tâm, xem giùm coi có chỗ nào ý-nghĩa mập-mờ và thiếu-sót hay không.

Thì nhờ ý-kiến của ông, nên mới có những câu vấn đáp đưới lời chú-giải trong quyển sách nầy. Tiện cho độc-giả khỏi phải kiếm-tìm và suy-nghỉ. T. C.

CHƠN-LÝ CỦA TIỂU-THỪA :

Tam-pháp-ấn

Tam-pháp-ấn (Ba cái pháp-ấn) là gì? — 1° Các « Hành » (Samkharas) vô-thường; 2° Các « Pháp » (Dharmas) không ta; 3 Niết-bàn (Nirvâna) vắng-lặng.

1° Các hành vô-thường ? — Hành nghĩa là biến-đổi. Hết thảy hiện-tượng (phénomènes) trong vỏ-trụ đều biến-đổi, cho nên đều kêu là « hành ». Biến-đổi luôn-luôn, không một phút nào ngừng lại, nên gọi là « các hành vô-thường ».

Vô-thường có thể phân-tích ra làm hai : Muôn vật trong đời, từ khi thành cho đến khi hoại, từ khi sanh cho đến khi chết, ấy là « một kỳ-hạn vô-thường » ; ở giữa khoảng nền, hư, sống, chết, mỗi phút đều có biến-đổi, ấy là « sát-na vô-thường ».

Cái chơn-lý ấy, không luận giờ, khắc nào, chúng ta cũng vẫn thấy nó biểu-hiện một cách rỏ-rệt.

Như loài người chúng ta, kể từ khi tinh-huyết của cha mẹ vừa giao-hợp cho đến lúc hơi-thở cuối-cùng, chẳng luận sống lâu hay chết yểu, cũng kêu là một kỳ-hạn (hay là một đời). Một kỳ-hạn vô-thường, hoặc mau-chóng đến nỗi chết liền trong khi cha mẹ mới giao-hợp vừa rồi. Hoặc ở trong

thai được đôi ba tháng, hay năm bảy tháng. Hoặc oa-oa được mấy tiếng chào đời rồi lại tiêu-trầm vào chốn vô-cực. Hoặc sống được một hai ngày, hoặc đôi ba tháng, hoặc một hai tuổi, cho đến năm bảy tuổi. Còn một kỳ-hạn có lâu hơn, như sống được 10 tuổi, được 20 tuổi, hoặc được năm sáu mươi tuổi. Có lâu nữa, chẳng quá trăm tuổi, rồi cũng lặng tiếng im hơi mà hóa ra tro tàn khói lạnh!

Thế là già trẻ bé lớn, giàu nghèo sang hèn gì cũng không ai tránh khỏi lẽ vô-thường. Chẳng qua hoặc « nghiệp » hết mà chết già, như đèn vì hết dầu mà phải tắt, hoặc chưa mãn kiếp mà phải chết vì thủy-tai, hỏa-hoạn, tật-bịnh, cơ-hàn, rủi-ro, giặc-giả v. v., cũng như đèn chưa hết dầu, song bị gió thổi mạnh mà phải tắt. Dầu sống được bao lâu hay chết cách nào đi nữa, cũng không trái với cái chơn-lý « một kỳ-hạn vô-thường » ấy.

Vẫn-vỏi như con phù-du, sớm sanh tối chết, hay trường-thọ như con linh-qui sống hơn trăm tuổi rồi cũng tiêu-tan, cho đến ruộng dâu hóa biển, vực thẳm thành cồn, há chẳng phải cái chơn-lý « một kỳ-hạn vô-thường » biểu-hiện ra đấy ư?

Không phải chỉ có thế mà thôi. Muôn vật lúc nào lại chẳng có biến-đổi? Như loài cây cỏ, mùa xuân mới đâm chồi nảy mụt, qua hạ thì cành lá sum-sia,

sang đến thu-đông lại thấy khô-khan trơ-trọi ; như loài người, mới biết lật biết bò, không bao lâu lại thấy biết đi biết chạy ; rồi đến mặt mày no-đủ, mình-mẩy nở-nang mà thành người trai-trẻ ; rồi đến tóc bạc da nhăn, mắt lờ tai điếc mà hóa kẻ già-còm ; ấy chẳng phải cái chơn-lý «sát-na vô-thường» biểu-hiện ra đó chi ?

Chi như ý-niệm của chúng ta, sanh diệt vô-thường lại càng mau-chóng hơn nữa. Cái niệm sanh ra bởi nghe những tiếng tăm vừa dứt, liền tiếp đến cái niệm bởi thấy những hình-sắc mà mống lên ; vừa dứt niệm mừng, liền sanh niệm giận ; mới hết niệm ghét, liền mống niệm thương. Mỗi một niệm mau-chóng như nháy mắt ấy, phân-tích ra lại có bốn niệm : « Chưa niệm », « muốn niệm », « đương niệm », « niệm rồi ». Mỗi một niệm trong bốn niệm ấy, nếu phân tích ra nữa, lại có biết bao nhiêu là niệm vô-thường sanh-diệt ! Cũng như một tiếng đồng-hồ, phân-tích ra có sáu mươi phút, mỗi phút phân-tích ra có sáu chục sơ-gông, nếu mỗi sơ-gông lại phân-tích ra nữa, cũng có vô-hạn cái sanh-diệt vô-thường vậy.

Lấy đó mà suy ra, đủ biết muôn vật muôn hình trong vỏ-trụ, chẳng qua là cái giả-tướng « hòa-hợp

nối nhau (1), đều là phần-tử của «sát-na vô-thường», không có một vật nào chắc-chắn lâu-dài và hằng còn mải-mải!

2° *Các pháp không ta?* — Muốn hiểu cái lẽ ấy, trước phải biết thế nào là pháp và thế nào là ta. Pháp là gì? Pháp nó có cái nghĩa là « pháp-tắc » và «giử-gìn ». Bởi muôn vật trong võ-trụ không ngoài được pháp-tắc (la loi) — hay là luật — « nhân-quả » và mỗi vật đều giử-gìn được cái đức-dụng của nó, như lửa giử được cái tánh « nóng », nước không mất cái tánh « ướt » v. v, cho nên muôn vật đều kêu là pháp. Các pháp tức là muôn vật.

Còn « ta » là gì? Ta là dịch nghĩa chữ ngã, hay là bản-ngã của Tàu và Atman của Ấn-độ. Nó có cái nghĩa là « có một », « hằng còn », « chủ-tể » và «chi-phối .

Theo kẻ phàm-phu và ngoại-đạo đều tưởng trong thân-mình riêng có một vật linh-thiêng không chết, chủ-tể và chỉ-huy cho xác-thịt, họ kêu là linh-hồn. Ấy là thuyết Hữu-ngã.

---

(1) — Cũng như «thác nước» từ trên núi cao đổ xuống, có biết bao nhiêu hột nước hòa-hợp và nối nhau một cách mau-chóng, nếu ta không để ý suy-xét, thì chỉ thấy một luồng nước trắng-xóa mà thôi, chớ không thấy được cách biến-đổi lạ thường của nó vậy.

Trái lại, Phật-giáo bảo rằng chẳng những loài người, mà cho đến hết thảy vạn vật đều do « nhân duyên giả-hợp » mà ra, không thể « có một » mà sanh-thành được, cũng không « hằng còn » mải-mải, nếu đến lúc nhân duyên tan-rã. Ấy là thuyết Vô-ngã.

Vậy người học Phật muốn cho thấu cái chơn-lý « vô-ngã », dứt hết các mối nghi-ngờ thì phải làm thế nào ?

— Phải căn-cứ ở thuyết « nhân duyên ». Nhân duyên là gì ? Theo thyết ấy, mỗi vật có nhân và phải có duyên mới sanh-thành được. Như loài thực-vật, thì hột giống là « nhân », còn đất, nước, không-khí và yếng sáng mặt trời là « duyên ». Có đủ nhân duyên ấy, rồi hột giống mới nứt mộng, đâm chồi, mọc lá, thành cây, đơm bông và kết trái được.

Cứ theo cái lẽ thật ấy, rồi phân-tích thân-tâm của ta, cũng không khác gì thực-vật, nghĩa là cũng sanh-thành bởi sự giả-hợp của nhân duyên.

Đã có cái « nghiệp-nhân » quá-khứ, mà cũng phải có tinh-huyết của cha mẹ, muốn nói cho đủ nghĩa, là phải có bốn cái nguyên-chất đất, nước, gió, lửa (tứ đại) làm « duyên », mới có cái sắc-thân nầy.

Ấy là xác-thịt. Còn tinh-thần thì sao? Cái tri-giác mà người ta bảo là cái linh-hồn bất-tử ấy, có phải

duy-nhứt, độc-lập không bởi nhân-duyên giả-hợp hay không ?

— Đã nói muôn vật không vật nào ngoài được cái chơn-lý ấy, vật-chất vậy, thì tinh-thần cũng vậy.

Cái tri-giác nhà Phật không kêu là linh-hồn mà gọi là « thức », nghĩa là hiểu-biết và phân-biệt, nó cũng sanh ra bởi sự giả-hợp của « căn », « trần ».

Căn-trần là gì ? — Căn là mắt, tai, mủi, lưỡi, thân-mình và ý-thức, gọi là sáu căn ; trần là hình-sắc, tiếng-tăm, hơi, mùi, vật rờ-đụng được (nóng, lạnh, nhám, trơn, mềm, cứng, v.v.) và muôn pháp (hữu-hình hoặc vô-hình) gọi là sáu trần.

Tại sao ta biết được cái tri-giác hay là « thức » nó sanh ra bởi sự giả-hợp của căn trần ?

— Cái đó cũng không có gì là khó hiểu. Nếu chỉ có con mắt mà không có hình-sắc ví-dụ như cái bông, thì có gì mà thấy ? Có gì mà biết được hình nó lớn hay nhỏ, sắc nó trắng hay hường ? Nếu chỉ có lỗ-mủi trơn mà không có cái bông ấy, cũng không bao giờ có cái « biết » thơm hay không nữa!

Cái đó chỉ có căn mà không trần. Trái lại, chỉ có trần mà không căn cũng không bao giờ có tri-giác. Như có kẻ khảy đờn (trần), nếu ta không có tai (căn) hay là điếc ngắt, thì lấy gì mà nghe ? Lấy gì mà

biết, hoặc phân-biệt được tiếng đờn ấy ai hay oán, lưu-thủy hay cao-sơn ?

Theo những bằng-chứng ấy, thì ta còn tin gì mà không chịu tin cái tri-giác hay là thức sanh ra bởi sự giả-hợp của nhân-duyên?

Cái thức mà người ta gọi là linh-hồn ấy, cũng như ngọn đèn, còn cái sắc-thân tứ-đại (đất, nước, gió, lửa) giả-hợp cũng như bình đèn vậy. Cái bình đèn ấy phải gồm có bình, họng, tim và dầu, mới cháy lên được ngọn đèn sáng tỏ. Nhưng đến khi bình bể, họng hư, hoặc hết dầu, tim lụn thì không thế nào còn được ngọn đèn.

Ấy ta biết là khi « nhân duyên hợp » thì có, đến lúc « nhân duyên hết » thì không. Muốn nói cho dễ hiểu : Khi nào cái bình đèn « tứ đại » đã bể và tan ra, thì cái ngọn đèn « thức » phải tắt mất.

Nếu vậy, đến chết rồi là hết ?

— Không. Đừng giựt mình ! Cái tư-tưởng ấy, Phật-giáo cho là đoạn-kiến. Tuy không nhận có vật hằng sống đời-đời, cũng không cho chết rồi là hết. Phật-giáo ở giữa hai cái thiên-kiến « thường » và « đoạn » ấy.

Nói như thế, nghĩa là gì ?

— Bởi còn nhân (nghiệp lành hoặc dử), còn duyên (đất, nước, gió, lửa), thì còn sanh-diệt diệt-

sanh, còn cái sắc-thân tứ-đại giả-hợp khác, rồi còn có cái thức do căn-trần giả-hợp khác.

Cái thức ở trong thân mình, không khác nào như bóng trăng hiện ở trong nước. Có nước ắt có trăng, có sắc-thân thì sẽ phải có tri-giác.

Cái thức không phải từ trong cái thân ở kiếp trước chun vào cái thân kiếp nầy, bỏ cái thân kiếp nầy rồi chun vào cái thân kiếp sau. Nó sanh ở kiếp nào thì mất ở kiếp đó. Cũng như bóng trăng, khi múc nước đổ vào thùng thì thấy bóng trăng ở trong thùng, khi đem nước trong thùng đổ vào lu thì thấy bóng trăng ở trong lu, nếu đem nước trong lu đổ vào chậu lại thấy bóng trăng ở trong chậu. Nhưng nó hiện ở đâu thì diệt ở đó, không phải cái bóng trăng ấy từ thùng nhảy qua lu, rồi từ lu nhảy qua chậu vậy. (1)

Ba cái bóng trăng ấy, tuy không phải một cũng không phải khác. Cái thức trong ba kiếp ấy cũng vậy, không phải một, cũng không phải khác !

Người học Phật đã thấy cái chơn-lý « nhân duyên giả-hợp » rỏ-ràng như vậy, còn gì tin được cái thuyết « linh-hồn không chết » hay là Hữu-ngã nữa?

---

(1) Hỏi : Cái bóng trăng ấy có mặt trăng làm bản-thể, còn cái gì làm bản-thể cho ta ?

— Đáp : A-la-da-thức. Nó đựng-chứa hết thảy muôn pháp. Cũng như trái đất đựng-chứa hết thảy các hột giống vậy.

3° Niết-bàn vắng-lặng. — Theo cái chơn-lý « vô-thường vô-ngã», người học Phật biết rằng dầu không có cái « linh-hồn không chết » sanh về cỏi bất-biến đi nữa, nếu còn « nghiệp-nhân » thì không ngoài được luật « nhân quả », phải trở lại chịu quả, phải còn chết đi sống lại không cùng.

Tại sao có « nghiệp »?— Bởi chấp « có ta ».

Ví-dụ như :

Hoặc cố-chấp cái thân « tứ đại » là « ta ». Rồi mới giết-hại, trộm cướp, dâm-gian và dối-gạt, xăm-phạm sự sống-còn của kẻ khác cho được sung-sướng một mình. Cái hành-vi ấy kêu là ác-nghiệp.

Hoặc cố-chấp cái bóng « sáu trần » (1) là « ta ». Không vì mình mà hại đến kẻ khác, lại làm nhiều việc từ-thiện giúp ích cho đời, nhưng còn mong một ngày kia linh-hồn được về cỏi thảnh-thơi, cái đó cũng vẫn còn là « nghiệp », gọi là thiện-nghiệp mặc dầu.

Cái ác-nghiệp khỏi cần phải nói. Dầu có nhờ thiện-nghiệp mà sanh trở lại được tột bực sung-sướng, ví-dụ như người ta cho là cảnh thiên-đường

(1) — Cái tri-giác người ta gọi là linh-hồn ấy, chẳng qua là bóng của « sáu trần » do « sáu căn » giọi vào trong tâm-thức.

đi nữa, cũng phải mang cái thân « tứ đại giả-hợp » ở vào cái thế-giới hữu-hình rồi, cũng phải già, đau, chết, cũng phải chịu cái khổ vô-thường !

Vì lẽ ấy, người học-phật muốn giải-thoát, nghĩa là muốn ra khỏi cái vòng sống lại chết đi, không gây ra ác-nghiệp đã đành, mà dẫu có quên mình, hết sức làm ích-lợi cho kẻ khác đi nữa, cũng không mong cho được sung-sướng ở kiếp sau. Trong lòng để cho sáng-suốt cũng như tấm gương trông, không cho vấy đen, cũng không cho vấy đỏ.

Đã hết nghiệp, chẳng luận nghiệp dữ hay nghiệp lành, thì còn gì nữa mà phải tái-sanh đặng chịu quả ?

Ấy là Niết-bàn (tắt mất).

Hết sanh diệt mới là thật sung-sướng. (1)

Người học-phật đã chứng-ngộ được cái chơn-lý « vô-thường vô-ngã », tuy còn mang cái sắc-thân giả-hợp vô-thường, ở kiếp nầy, mà đã dứt hết cái vọng-tâm sanh-diệt, ấy gọi là Hữu-dư-niết-bàn.

Đến khi chết rồi, từ đây mất luôn cái báo-thân sanh-diệt, không còn tái-sanh, ấy gọi là Vô-dư-niết-bàn.

---

(1) — Hỏi : Thân-tâm đã tiêu-diệt, không-không, còn gì đâu mà biết rằng có sung-sướng ?

— Đáp : Cái đó là đối với người còn thân-tâm, còn sanh-diệt mà nói. Nhưng với người hết sanh-diệt, thì cũng không còn cái tên sung-sướng !

CHƠN - LÝ CỦA ĐẠI - THỪA :

Thiệt-tướng-ấn

Vì sợ bao nhiêu sự đau-khổ ở thế-gian mà học-phật, ngộ được cái chơn-lý của hai cái pháp-ấn «các hành vô-thường» và «các pháp không ta , rồi noi theo «Tám con đường chánh» (1), kỳ cho đi tới chỗ giải-thoát, vào cõi Niết-bàn, nghĩa là kỳ cho được thân-tâm tiêu-diệt, khỏi còn sanh-tử luân-hồi, ấy là bực Tiểu-thừa.

Sao gọi là Tiểu-thừa ?

Bởi họ chỉ cầu siêu-độ lấy mình, dầu có lòng từ-bi tế-độ, chẳng qua trong một kiếp sống nầy rồi thôi. Còn bao nhiêu chúng-sanh trong cõi hư-không vô-hạn và trong khoảng thời-gian vô-cùng, thì mặc-kệ trầm-luân nơi biển-khổ ! Cái tư-tưởng hẹp-hòi, cái căn-khí nhỏ-mọn ấy, không khác như cái xe chỉ đủ chỗ dung thân, không chở được ai nữa, ấy mới kêu là Tiểu-thừa.

Như vậy, tuy họ khỏi sa vào hai con đường tà-kiến « đoạn » và « thường », phá được cái « chấp

(1) — 1. Thấy chánh, 2. Suy-nghĩ chánh, 3. Lời-nói chánh 4. Nghề-nghiệp chánh, 5. Đời chánh, 6. Rán sức chánh, 7. Nhớ-tưởng chánh, 8. Định chánh.

có », nhưng lại mắc vào cái « chấp không », chưa phải là trung-đạo. Ấy bởi họ chỉ biết có cái hiện-tượng vô-thường, mà chưa biết có cái bản-thể bất-biến.

Huống chi cái thế-giới nầy đã bởi cọng-nghiệp gây nên, nếu nó chưa đến cái thời-kỳ tan-rã, cái nợ chung ấy chưa phải là trả xong, thì trốn đâu cho khỏi, tiêu-diệt làm sao được ?

Chúng-sanh chưa giải-thoát, ta không thể niết-bàn. Ấy là sự thật.

Bởi vậy bực Đại-thừa học-phật không những chỉ lo cầu sáng lấy mình, lại vừa khai sáng cho người; chẳng những thấu cái lý « vô-tường vô-ngã » khỏi sa vào hai cái thiên-kiến « đoạn » « thường », lại chứng được cái chơn-lý « Thiệt-tướng » (Thiệt-tướng-ấn) nên không chấp « có » cũng không chấp « không », mới không chán đường sanh-tử, không ham niết-bàn.

Thiệt-tướng là gì ? — Là cái chơn-lý « chơn-như là vạn pháp, vạn pháp tức chơn-như ». Ấy là cái chơn-lý bình-đẳng không hai, « sắc » « không » như một, không phải có cũng không phải không. Nếu thiên một bên, thì không được kêu là Thiệt-tướng.

Bởi cái bản-thể chơn-như vi cũng như biển nước còn cái hiện-tượng vạn pháp không khác nh bọt

nước vậy. Cái bọt nước hiện-tượng vẫn có thiên sai vạn-biệt, nổi lên lặn xuống, sanh diệt vô-thường ; còn cái biển nước bản-thể thì cứ xanh-lẻo một màu, không tăng không giảm.

Nhưng bỏ cái bản-thể chơn-như thì không có cái hiện-tượng vạn pháp, rời cái hiện-tượng vạn-pháp thì không thấy được cái bản-thể chơn-như.

Nước và bọt, tuy có hai tên mà vốn một thể. Chơn-như và vạn-pháp cũng vậy, không phải một, cũng không phải khác. Ấy mới bình-đẳng. Ấy mới kêu là Thiệt-tướng.

Người Đại-thừa học-phật hiểu được lẽ ấy, mới coi Ta-bà là Tịnh-độ, phiền-não tức bồ-đề ; mới coi sanh-tử vốn không, niết-bàn như mộng ; mới tự-do chết xuống sanh lên, vào đây ra đó mà tế-độ quần-sanh !

Ấy không phải vì « nghiệp » mà phải luân-hồi, trái lại, là bởi lòng từ-bi mà tự-do sanh-tử. Không khác nào tự-do ra vào qua lại trong quán rượu, lầu xanh, để cứu-vớt bao nhiêu kẻ còn đương say-mê ở trong đó, mà không phải vì « bịnh ghiền », vì « tánh-dục » nó sai khiến vậy.

Bực Đại-thừa học-phật đã lấy lòng từ-bi làm gốc, còn phương-pháp tế-độ thì sao ?

— Ngoài cái phương-pháp « Lục độ » (1), còn

(1) — 1. Bố-thí, 2. Trì-giá, 3. Nhẫn-nhục, 4. Tinh-tấn, 5. Thiền-định, 6. Trí-huệ.

biết bao nhiêu là phương-tiện. Như ở thời-đại nầy, hoặc lấy phương-pháp khoa-học, hoặc dùng cái chánh-sách kinh-tế, nếu thuyết Duy-tâm không thích-hợp thì dùng thuyết Duy-vật, dầu có khác với phương-pháp của Phật dạy hồi nguyên-thỉ, miễn đạt được mục-đích « chúng-sanh hết khổ được vui », vậy mới được viên-mản cái hoằng-nguyện lợi-sanh, và mới phải là bực Đại-thừa-bồ-tát!

Hết

CÙNG ANH EM HỌC PHẬT

Mấy quyển sách :

1° Phật Học Tổng Yếu 2° Phật Giáo Vấn Đáp

3° Kinh Lăng - Nghiêm I. 4° Tranh - Biện.

Hiện đã hết rồi. Ai muốn tái bản xin viết thơ cho:

M. THIỆN-CHIẾU

Rue Avenue le Myre de Villers

entre deux pylônes électriques R. 14 et R. 15

CHOLON

THIỆN-CHIẾU DỊCH

BÀI

VÔ THẦN LUẬN

của

THÁI-HƯ PHÁP-SƯ

Chú ý: *Bài Vô Thần Luận nầy, chỉ nói sơ-lược.*
Xin đọc quyển : **Vô Thần Luận**

VÔ THẦN LUẬN

Không chúa tạo vật – Không linh-hồn, nhứt-thiết đều lấy cái « Không » làm cứu-cánh.

Các nhà học-giả trên thế-giới ngày nay, căn-cứ vào cái lẽ « tự-do bình-đẳng » đều chủ trương thuyết « Vô-thần ». Nhưng cũng có kẻ nói « tự-do bình-đẳng » mà lại chủ-trương thuyết « Hữu-thần », ấy là nhà tôn-giáo ở Thái-tây đó.

Bởi các nhà học-giả ngày nay muốn quét sạch tập-tục của xả-hội hiện-thời, noi theo lẽ thiên-nhiên mà đạt đến cái thật-tế « tự-do bình-đẳng »; còn nhà tôn-giáo Thái-tây lại dựa vào cái thuyết « nhơn-loại trên địa-cầu đều là con cưng của Thượng-đế, không giai-cấp, không giới-vức, cái hạnh-phúc tự-do của Thượng-đế ban cho đều bình-đẳng hết ». Ấy là Nhứt-thần-giáo (Monothéisme) cho rằng Thần là chúa tạo-sanh vạn-vật, bảo nhơn-loại đều phục-tùng dưới vị Thần-chúa-tể ấy, thì tiêu-diệt hết giai-cấp và giới-vức, mà ai cũng tự-do, và bình-đẳng cả.

Nhưng cũng có kẻ không nói « Thần là chúa tạo vật » mà lại nói *Thần tức là linh-hồn,* họ tin rằng cái thuyết đó có thể giúp cho nhơn-loại được tiến-

hóa và thế-giới được đại-đồng, ấy có hai lẻ : 1° Cái thuyết có linh-hồn có thể trừ được cái tư-tưởng « chán-đời » (pessimiste). Bởi những kẻ có cái tư-tưởng ấy họ cho rằng phù-sanh trăm tuổi, vui có bao lâu ? Kiếp người đã vắn-vỏi, mà lại gặp nhiều cảnh-ngộ không vừa lòng, cho nên họ mới chán-đời, ấy bởi họ không biết có linh-hồn vậy. Nếu thật biết mình có linh-hồn, dầu thể-phách có sống chết, song linh-hồn không sống chết, thì cái « nghiệp-riêng » — hoặc lành, hoặc dử — của mình gây ra, nó sẽ cùng « nghiệp-chung » của chúng sanh trên thế-giới, theo nhân nào cảm quả nấy mà sanh-sanh hóa-hóa vô-cùng Nếu vậy, thì đời không nên chán, mà cũng không cần phải chán, tự-nhiên lo trau-sửa thân-tâm, cải-tạo xả-hội, kỳ cho « nghiệp-riêng » và « nghiệp-chung » đều được trọn lành, trọn tốt, mà hưởng sự yên-vui vỉnh-viễn.

2° Cái thuyết có linh-hồn có thể phá được cái chấp « ta với người ». — Dầu người-ta tin có linh-hồn, mà nếu tin không được chắc-chắn thì không khỏi bảo rằng dầu có linh-hồn, dầu thai kiếp khác, nhưng ta khi ấy đã không còn nhớ ta (đời trước) là ta nữa, thì cái ta ấy vẫn không khác như người khác ! Vậy thì chi bằng ta (bây giờ) cứ hết sức lo cho vui-sướng cái kiếp sống

một mình trong mấy chục năm là dữ, cần gì phải lo cho cả trái-đất mênh-mong thăm-thẳm kia được thái-bình vĩnh-viễn ? Thái lại, nếu thiệt tin có linh-hồn mà không còn hoài-nghi gì nữa, thì khác hơn kẻ vừa nói trên đó. Vì mỗi khi đổi ra hình-xác khác, trước sau chỉ cách vài mươi năm, mà ta không còn nhớ là ta nữa, thì muôn kiếp đến nay, ngàn đời về trước, còn nhớ làm sao được ? Vậy cái ta đời nay mới xem cái ta đời sau như người khác. Thì cái ta đời trước xem cái ta đời nầy, cái ta đời sau xem cái ta đời trước, cũng chẳng khác như người khác vậy. Ta đã có thể làm người khác thì người khác cũng có thể làm ta được. Như thế thì phá được cái ranh « ta với người », nghĩa là không còn chấp rằng ta là ta mà người là người nữa. (Cũng như Tề-vật-luận trong sách Trang-tử nói : Vật đều cho « mình » phải mà « người » quấy. Vật đều có « mình » cho nên trong thiên-hạ không quấy, « mình » đều có « người » cho nên trong thiên-hạ không phải, không quấy, không phải thì vật-luận đầu không cần sữa nó cũng đều).

Chẳng luận « Thần là chúa tạo vật » hay « Thần là linh-hồn cũng đều là thuyết « Hữu-thần ». Nhưng « Hữu-thần » chẳng qua là một thuyết phương-tiện không phải cứu-cánh. Nếu muốn nói cho đúng với chơn-lý, thì phải nói « Vô-thần ».

— Tại sao ?

— Vì nhơn-loại có thánh-nhơn, chẳng những bất-hạnh cho nhơn-loại mà cũng bất-hạnh cho thánh-nhơn ; chúng sanh có Phật, chẳng những bất-hạnh cho chúng sanh, mà cũng bất hạnh cho Phật. Nếu thật thánh-nhơn thì ắt mong cho nhơn-loại đừng sanh thánh-nhơn, thật tôn-giáo thì ắt mong cho thế-giới đừng dùng đến tôn-giáo.— Nhơn-loại làm sao mới có thể đừng sanh thánh-nhơn ? Vì mỗi người ai cũng là thánh-nhơn, thì trong nhơn-loại còn ai là phàm-phu mà phải có thánh-nhơn nữa ? — Thế-giới làm sao mới có thể không dùng tôn-giáo ? Vì chúng sanh đều thành Phật, thì trên thế-giới cần tôn-giáo nữa làm chi ? Bởi chúng sanh chưa được đều là Phật, mỗi người chưa được đều là thánh-nhơn, vậy nhơn-loại sở-dĩ mới có cái tên thánh-nhơn, mà thế-giới sở-dĩ mới còn dùng Tôn-giáo.

Muốn cho nhơn-loại đừng có cái tên thánh-nhơn, thế-giới đừng dùng đến Tôn-giáo, nghĩa là muốn khỏi bất-hạnh cả đôi bèn, thì phải dẹp thuyết «Hữu-thần (phương-tiện), mà lấy thuyết «Vô-thần» làm cứu-cánh. Cho nên tôi chủ-trương hẳn cái thuyết « Vô-thần ».

Thế-giới quả có Chúa-tạo-vật hay không ? Càng nghiên-cứu học-lý bao nhiêu, thì cái nghi-vấn ấy

lại càng không giải-quyết được. Vả cái thuyết « Hữu-thần » chỉ lợi dụng được cái lòng tin chắc-chắn mà thôi. Nhưng cứ nghi mải mà không giải-quyết, thì cái lòng tin ấy làm sao mà vững-vàng được ? Nếu nhân không tin có chúa-tạo-vật, rồi không tin luôn cái thuyết « Trời ban cho cái hạnh-phúc tự-do bình-đẳng » nữa, thì chẳng những không đủ giúp cho nhơn-loại được tiến-hóa, thế-giới được Đại-đồng, lại còn làm trở-ngại là khác. Ấy vậy trong đời không nên có cái thần-thuyết « chúa-tạo-vật ».

Cái chủ-nghĩa «Bình-đẳng» suy-rộng ra cho cùng-tột, thì Tam-cang ngũ-luân cũng dẹp bỏ hết. Thế mà kẻ chủ-trương cái thuyết « Hữu-thần » lại bảo quyền-lực và năng-lực của chúa-tạo-vật đều là vô-hạn, muốn làm sống làm chết ai, làm khổ làm vui ai, cho, cướp, thưởng, phạt ai, đều ở trong tay cả. Không luận ai, cũng phải sùng-bái tôn-trọng, làm cho vui lòng mà cầu cho che-chở ; nếu không, là đại-nghịch, vô-đạo, phải bị vĩnh-kiếp ở địa-ngục. Thế là cướp mất cái quyền tự-do tự-lập của người, thì còn bất bình nào hơn ? Vậy mà còn ca-tụng là « Cha lành », thật không khác như nghiêng mình dưới cái thứ Ma-vương « chuyên-chế » mà lại tôn-tặng là « Thánh-nhơn » ! Huống chi cái đời « Đại-

đồng bình-đẳng » cũng không cần có cha lành và thánh-nhơn nữa. Ấy vậy trong đời không dung cho có cái thần-thuyết « chúa-tạo-vật ».

Vả tự-do bình-đẳng là cái tánh tự-nhiên của loài người vốn có, cần gì phải mượn cái thuyết « chúa-tạo-vật » mới làm cho xả-hội tin? Thì cứ đem cái thuyết « chúa-tạo-vật » với cái thuyết « tự-do bình-đẳng » đồng-thời cổ-xúy, thử coi người ta cãm-hóa theo cái thuyết nào hơn, rồi sẽ biết lời tôi nói đúng hay không đúng. Ấy vậy trong đời không cần phải có cái thần-thuyết « chúa-tạo-vật ».

Cái thuyết « tự-do bình-đẳng » hẳn không dung nhau với cái thuyết « chúa-tạo-vật ». Bởi vậy ta muốn thật-hiện tự-do bình-đẳng mà đề-xướng chủ-nghĩa « Vô-thần », thì phái « Hữu-thần » họ lại chủ-trương có « chúa tạo-vật » để chống lại. Nếu không giải-quyết tận gốc cái nghi-vấn « Thế-giới quả có chúa tạo-vật hay không?», thì « Vô-thần-luận » cũng thành vô-hiệu-quả.

Vô-số mặt trời, mặt trăng, trái đất, tinh-tú ở giữa hư-không và vô-số động-vật, thực-vật, khoáng-vật, khí-vật ở địa-cầu nầy, quả có chúa-tạo-vật tạo ra hay không, cái đó không cần hỏi đến. Chúng ta cứ hỏi ngay rằng: Thượng-đế đã tạo ra loài người chúng ta, sao không tạo ra cho bình-đẳng, đặng

đồng hưởng cái hạnh-phúc tự-do, mà lại có dại, khôn, mạnh, yếu khác nhau, cho một đàng gây ra không biết bao nhiêu là tội-ác, và một đàng phải chịu thống-khổ vô-cùng ?

Loài người đã là con cưng của Thượng-đế, sao không tạo ngay ở chốn Thiên-đường mà lại tạo ở trái đất tội-ác và thống-khổ nầy, rồi chờ cho ta kính-thờ tin-tưởng mới chịu đem về trên ấy, bằng không, phải bị phạt sa vào địa-ngục ?

Thượng-đế đã muốn cho ta kính-thờ, tin-tưởng, sao trong khi tạo ra, không tạo luôn cho ta mỗi người đều có lòng ấy mà lại phải chờ có kẻ đi giảng-giải, khuyên-lơn ? — Giảng-giải, khuyên-lơn từng người nên tin thờ đức Thượng-đế — Thì thật là khó hiểu.

Chưa mấy, cái thuyết nầy mới càng khó hiểu hơn nữa : « *Nếu ta không tin Thượng-đế mà tin theo ma-quỉ thì phải bị sa vào địa-ngục. Thứ ma-quỉ ấy nó đủ sức chống với Thượng-đế và cũng thường phản-đối Thượng-đế nữa* ».

Ai tạo ra thứ ma-quỉ đó? Nếu không phải Thượng-đế tạo, thì cái năng-lực của Thượng-đế hữu-hạn, cũng có vật không tạo ra được. Thế thì có khác gì mấy anh thợ ở thế-gian nầy !

Ma-quỉ đã không phải của Thượng-đế tạo ra, tất phải có « kẻ » tạo ra nó. Rất đỗi nó còn đủ sức chống với Thượng-đế, thì cái năng-lực của « kẻ » tạo ra nó chắc là to-tát vô-cùng. Vậy thì loài người và Thượng-đế biết đâu không phải cũng do « kẻ » ấy tạo ra ?

Nếu nói ma-quỉ tự-nhiên có ra, không phải ai tạo vậy sao vạn-vật lại không được tự-nhiên có ra, mà phải chờ có Thượng-đế sáng-tạo ?

Nếu nói ma-quỉ cũng của Thượng-đế tạo ra, — tạo nó được lẽ thì trị nó cũng được chớ — vậy sao không phạt nó vào địa-ngục, mà chỉ phạt những kẻ tin theo, thì còn gì là công-bình ?

Hay là cái quyền lực của Thượng-đế vốn phạt nó vào địa-ngục được, nhưng cố-ý lưu lại ở thế-gian nầy để khuấy rối chúng ta chơi ?

Mấy chuyện lạ-lùng không thể hiểu được đó, dẫu có đem hỏi những kẻ chủ-trương thuyết « chúa-tạo-vật », cũng không biết đâu mà trả lời.

Huống chi, Thượng-đế tạo ra cái thế-giới không bình-đẳng, không tự-do, như bị công-trói, bị tù-rạc, tội-ác khổ-nảo dầy-đầy trong đó, vậy thì Thượng-đế có công hay có tội ? Làm ơn hay làm hại cho người ?

Vã Thượng-đế đối với nhơn-loại mà cũng có cái tâm-lý hễ ai cung-kính thì được yên-vui, bằng không, phải bị tai-hại, thì có khác nào cái bọn đế-vương chuyên-chế ở thế-gian nầy ! Hèn gì một nhà triết-học nước Anh mới nói một cách mạnh bạo : « Nếu có Thượng-đế, thì tôi sẽ chỉ ngay vào mặt mà mắng : Đồ-ác ! »

Xem đó, thì thế-giới quyết không nên có chúa tạo-vật, không dung cho có chúa tạo-vật, cũng không cần có chúa tạo-vật. Mà quyết hẳn không có Thần-tạo-vật, không còn nghi-ngờ gì nữa.

Nhưng đã không chúa-tạo-vật, vậy chớ thế-giới quã từ đâu mà có ra ?

— Thế-giới do ở « chơn-tánh » khởi ra, có biết bao nhiêu mà kể ! Có thế-giới sáng-suốt, có thế-giới tối-tăm, có thế-giới an-vui, có thế-giới khổ-nảo, có thế-giới trang-nghiêm, có thế-giới ác-trược, có thế-giới thanh-tịnh, có thế-giới xấu-xa. Cái «nhân chung» của các thế-giới sáng-suốt, an-vui, trang-nghiêm, thanh-tịnh ấy là « giác » ; còn cái « nhân-chung » của các thế-giới tối-tăm, khổ-nảo, ác-trược, xấu-xa ấy là « mê ».

Thế-giới của chúng ta đương ở bây giờ, chính là thế-giới tối-tăm, khổ-nảo, ác-trược, xấu-xa do bởi « mê nhân » mà ra.

— Thế nào gọi là « Mê »? — Ví như có một con voi, người sáng mắt xem thấy, thì rỏ-ràng nó voi là voi, có gì mà phải tranh-chấp (cải-lẩy cố-chấp) ? Nhưng nếu có hai người đui từ lúc mới sanh, không thấy được chơn-tướng của nó, rồi kẻ rờ nhằm lỗ tai thì chấp rằng hình con voi như cái ki, kẻ rờ nhằm cái đuôi lại chấp rằng hình con voi như cái chổi ! Rồi họ chia ra hai đường, mạnh ai nấy chấp, kẻ đui truyền cho người đui, lẫn-quẩn trong đám đui, ai cũng bị gạt cả !

Ví không khác như ta còn đương mê, chưa được sáng-suốt, mới phân-biệt cố-chấp có ta với người, sanh ra yêu ghét, tham sân, nhân đó mới sanh ra trộm-cướp, giết-hại lẫn nhau.

Bởi mê-chấp mà gây ra nghiệp-nhân ấy, thế-giới mới tiếp nhau mà có, chúng-sanh mới nối nhau mà sanh, nhân quả xây-vần, sanh ra vô tận. Có nhân xa có nhân gần, có nhiều nhân, có một nhân, giống nhau nối nhau (nhân nào quã nấy), từ một người một nhà, cho đến một đoàn thể, một thế-giới, ối thôi, lộn-xộn lăng-xăng không biết đâu là cùng-tột !

Bây giờ, miễn là dứt cái duyên «căn-bản» (tham sân), phá cái chấp « phân-biệt », thì cái « mê » kia có thể trở nên « giác », mà thế-giới tối-tăm, khổ-

nảo, ác-trược, xấu-xa kia có thể trở nên thế-giới sáng-suốt, yên-vui, trang-nghiêm, thanh-tịnh được·

Cho nên thế-giới vô-tình, chúng-sanh hữu-tình đều ở trong cái chơn-tánh sáng-suốt mênh-mong kia, động cái niệm như mộng-uyễn, tạo cái nghiệp như mộng-uyễn, rồi như mộng-uyễn mà sanh ra, như mộng-uyễn mà tiêu-diệt vậy thôi, có chút nào mượn sức của Thần đâu ?

— Vì có cái « vật » người ta kêu là Thượng-đế đó, cũng chẳng qua một vật như mộng-uyễn mà sanh ra, có gì mà xưng là chúa vạn-vật? Đem cái « vô-lý » mà ép người tin, cái tin đó, không phải mê-tín là gì?

Than ôi! chúa tạo-vật! Ngươi chẳng phải là chúa tạo-vật, mà chính là hang-ổ của sự « mê »: Mê không làm có, mê quấy làm phải, thật là «mê» rất lớn! Cái gốc mê không phá, thì nguồn giác bị ngăn, Cho nên tôi mới cực-lực bài-bác.

Đến đây, có lẽ độc-giả nghi rằng tôi tuy không chủ-trương cái thần-thuyết « có chúa-tạo-vật », song lại chủ-trương cái thần-thuyết « có linh-hồn ». Bởi vậy tôi phải luận thêm về sự có linh-hồn hay không đặng cho cứu-cánh cái thuyết « Vô-thần » của tôi.

Chúng ta quả có linh-hồn hay không ?

Có! Chẳng những chúng ta có mà thôi, mà các loài động, thực, phi (bay), tiềm (lặn), loại nào

cũng có cả. Nhưng nó hư-uyển không thật, chẳng qua vọng-chấp và tập-khí mà thôi, chớ chẳng phải thật có một vật gọi là linh-hồn. Tôi xin ví-dụ cho dễ hiểu:

Ví như có một người không ưa-thích điều gì, không nhớ-tưởng việc chi, không yêu không ghét, trong-sạch trống-không, hình như không có ý-niệm, rồi thình-lình bắt ưa ngâm thi, cứ vọng-chấp và nhớ-tưởng mải, bèn thành tập-quán (thói quen). Từ đó mắt thấy tai nghe đều là thi-liệu, miệng tuông mủi thở đều là giọng thi, trong lòng trong nảo suy-tính lo-toan đều là thi-tứ, người ngoài trông thấy như dại như say, mà tự-mình không biết! Ấy là vọng-chấp và tập-khí.

Vọng-chấp thoạt khởi thì tập-khí liền sanh, tập-khí đã sâu thì vọng-chấp càng lắm.

Nếu cứ cố-chấp không tan, thì tập-khí không dứt, như các lượn sóng trên mặt biển đập-đẩy lẫn nhau, lượn sóng trước động, cuốn-lôi thành lượn sóng sau; cứ động mải không ngừng, thì lượn sóng cũng nổi lên hoài mà không dứt được. Linh-hồn của người ta gọi, cũng không khác như cái động-lực của lượn sóng trước kéo lượn sóng sau vậy thôi. Cái động-lực ấy không phải thật có một vật chi ra được. Duy cái vọng-chấp và tập-khí không

tan không dứt đó, nó chính là gốc Luân-hồi, là nguồn sanh-tử, sanh-sanh hóa-hóa vô cùng, chớ không phải có một vật gọi là linh hồn bất-tử.

Chơn-tánh lặng-thinh, thình-lình động niệm, động hoài không dứt, vọng-chấp liền sanh, chấp sanh mới thành tập-khí. Từ vô-thỉ có vọng-chấp đến nay, càng chấp càng lắm, càng tập càng sâu, càng biến-hóa càng xa lìa và phức-tạp, vạn-vật mới lộn-xộn lăng-xăng, theo «nghiệp» hiện ra, cứ **thành, trụ, hoại, không,** nối nhau mải mải.

Ai phá được vọng-chấp, dứt được tập-khí thì cái chơn-tánh cũng vẫn lặng-thinh. Lặng-thinh chớ chẳng phải «vô tri» như cây đá. Mà nó lại tinh-linh sáng-suốt hoàn-toàn, không nghỉ-ngợi được, không đặt tên và hình-dung ra được, chẳng phải như vọng-chấp và tập-khí vậy đâu. Như người «ưa thi», nhứt đán dứt hết cái vọng-chấp và tập-quán «ưa-thi», thì không phải người ấy không còn tri-giác gì nữa. Không! Nếu cái vọng-chấp và tập-khí đã dứt sạch rồi, sẽ không việc gì là không thể làm, không việc gì la không làm được, dầu không «ghiền thi», nhưng ngâm thi cũng được chớ!

«Linh hồn» chỉ có danh-từ mà không có thật-nghĩa, duy «mê» mới có, mà «giác» bèn không. Uyển mê diệt rồi, thì uyển-hồn cũng không còn

uyển-mộng, cho nên chơn-tánh thường lặng-thinh. Ấy gọi là cái nghĩa cứu-cánh vô-thần «không chúa tạo-vật không linh-hồn», mà cũng gọi là cái chơn-đế «tự tánh tự độ» (tự tánh mình độ mình) vậy.

Cái thuyết «Vô-thần» chẳng phải mới có tự ngày nay, mà cổ kim đông tây cũng có lắm kẽ chủ-trương cái thuyết ấy, nhưng lý-luận chưa được hoàn-toàn mỹ-mản như của Phật-giáo mà thôi.

Những kẽ nghiên-cứu Tôn-giáo-học, họ đều bảo bất luận là tôn-giáo nào cũng nói linh-tánh hằng còn ở cỏi u-minh, Thần với người là hai cái yếu-điểm quan-hệ mật-thiết, mà tôi lại cho cái thuyết Vô-thần «không chúa tạo-vật không linh-hồn» là ra ở đạo Phật, chắc không khỏi họ sẽ hỏi: Vậy thì Phật-giáo không phải tôn-giáo?

— Phật-giáo cũng là tôn-giáo. Nhưng không phải hễ tôn-giáo đều là Hữu-thần đâu: Tôn-giáo có nhiều thứ: Có Đa-thần (Polythéisme), có Nhứt-thần (Monothéisme), cô Vô-thần (Athéisme). Nếu luận chung, thì Phật-giáo cũng vẫn có đủ cái tánh-chất Đa-thần, Nhứt-thần và Vô-thần. Nhưng Vô-thần thì mới phải cái nghĩa cứu-cánh của đạo Phật. Cho nên Phật-giáo, tôi nói là một tôn-giáo Vô-thần, khác hẳn với các thứ tôn-giáo Hữu-thần khác.

Phật-giáo phát-huy cái chơn-lý Vô-thần rất là thấu-triệt, như « Rỗng vậy không thánh, tức tâm là Phật », như « Pháp-giới bình-đẳng, không thánh không phàm », như « Nhứt-thiết chúng sanh, đều có tánh Phật », như « Tâm, phật và chúng sanh vẫn không sai-khác », như « cứu-cánh bồ-đề, không có cái gì là đặng nữa », Phật-giáo là một thứ triết-học cao-thâm duy-nhứt ở thế-gian !

Cho nên những kẽ khéo học Phật, đều tôn-trọng linh-tánh của mình, không để cho Phật làm chướng-ngại. Hoặc quở Phật mắng Phật (như Vân-môn), thậm-chí đánh Phật đốt Phật (như Đơn-hà), đặng cho cái chơn-quang trong tự-tánh sáng-suốt chói-rạng. Nếu không như thế, thì không ngang-bằng với trí Phật, không đến chỗ cứu-cánh. Cái đó đâu phải những kẽ căn-khí tầm-thường mà dòm thấy được.

Lâu nay tôi cứ ôm-ấp một cái lý-tưởng trong lòng, chưa hề thổ-lộ, nó có chút quan hệ với bài « Vô-thần-luận » nầy, vậy xin tỏ ra đây luôn thể:

Bởi sự tiến-hóa của chánh-trị và tôn-giáo, tôi thấy nó không khác gì nhau, như chánh-trị từ cái chế-độ tù-trưởng mà tiến đến cái chế-độ Quân-chủ, từ quân-chủ mà tiến đến cọng-hòa, từ cọng-hòa mà tiến đến vô-trị, thì tôn-giáo từ Đa-thần tiến-hóa

đến Nhứt-thần, từ nhứt-thần tiến-hóa đến Thượng-thánh, từ Thượng-thánh tiến-hóa đến Vô-giáo, cái đó thật không hẹn mà đồng nhau. Đa-thần-giáo như chánh-thể tù-trưởng, Nhứt-thần-giáo như chánh-thể Quân-chủ, cái đó rỏ ràng, không cần phải nói. Chánh-thể cọng-hòa, tức là cái chánh-thể lựa lấy kẽ hiền-năng. Cả thế-giới ngày nay đã xu-hướng về cái chánh-thể cọng-hòa, tôn giáo nếu đồng-thời tiến-hóa, ắt sẽ nổi lên một cuộc đại-cách-mạng trong tôn-giáo giới, lập nền tôn-giáo-mới chiến-đấu với tôn-giáo củ, xô ngả hết các tôn-giáo Nhứt-thần, Đa-thần, chung nhau lựa một thứ tôn-giáo nào thánh-triết hơn hết mà cung-phụng.

Càng tiến-hóa lên, thế-giới đến cỏi đại-đồng, thì chánh-trị đã thành vô-trị, mà tôn-giáo cũng thành vô-giáo, dầu Phật-giáo là Vô-thần-giáo đi nữa, cũng như khi đã đặng cá thì quên nôm, không cần có cái tên «Phật-giáo» ở thế gian nữa! Không có cái tướng chúng-sanh, không có cái tướng thế-giới, không có cái tướng văn-tự, không có cái tướng ngử-ngôn, không có cái « không tướng » cũng không có cái «không không tướng», phàm nhứt-thiết cái gì «có» trong xả-hội hiện-tại đều có thể «không» hết, chẳng những « không Thần » mà thôi. Ai là người lưu-tâm về triết-học, xin nghiên-cứu cái lẽ ấy.

Than ôi ! Cỏi quỉ mơ-màng, ải mê mờ-mịt, hoang-đường uyển-hoặc, như « có » mà thật « không ». Bởi chấp nó mới tối tăm chơn-tánh. Rồng vậy « Không Thần », xin cùng tất cả chúng sanh trong cỏi pháp-giới vô-biên, đồng thoát khỏi cái lưới « nghi » ấy.

Hết

AI MUỐN BIẾT :

● *Có linh-hồn hay không ?*
Xin đọc quyển : **Chơn-lý của Tiểu-thừa và Đại-thừa Phật-giáo**

● *Có Thượng-đế hay không ?*
Xin đọc quyển : **Vô Thần Luận**

● *Tại sao tôi (Thiện-Chiếu) hoàn-tục ?*
Xin đọc quyển : **Tại sao tôi đã cám ơn đạo Phật**

● *Tôn-giáo có tự bao giờ, biến-cách thế nào, và có lợi hay có hại cho mình ?*
Xin đọc quyển : **Tôn-Giáo**

Bốn quyển sách trên đây đã xuất-bản và có để bán trong mấy hàng sách ở Saigon - Cholon.

Ở xa xin viết thơ cho : M. NGUỄN-TẤN-XUÂN
"Nam Cường Thơ Xã" — MYTHO

NAM CƯỜNG THƯ XÃ

Mới xuất bản quyển :

Toàn Chân Triết Luận

Sách sắp xuất bản :

1. **Chung quanh quyển Toàn Chân Triết Luận**
2. **Toàn Chân Pháp Luận**
3. **Đạo-Đức-Kinh**
4. **Thực Tự Bản Thảo**

(Nói về tánh-chất công dụng và sự hạp cử của các món ăn hằng ngày). Của **LÊ-VĂN-TỊNH**

5. **Nghiên-cứu về Tolstoï**

Của NGUYỄN-PHI-HOANH

Thơ và mandat :

M. NGUYỄN-TẤN-XUÂN

Nam-Cường Thư-Xả

MYTHO

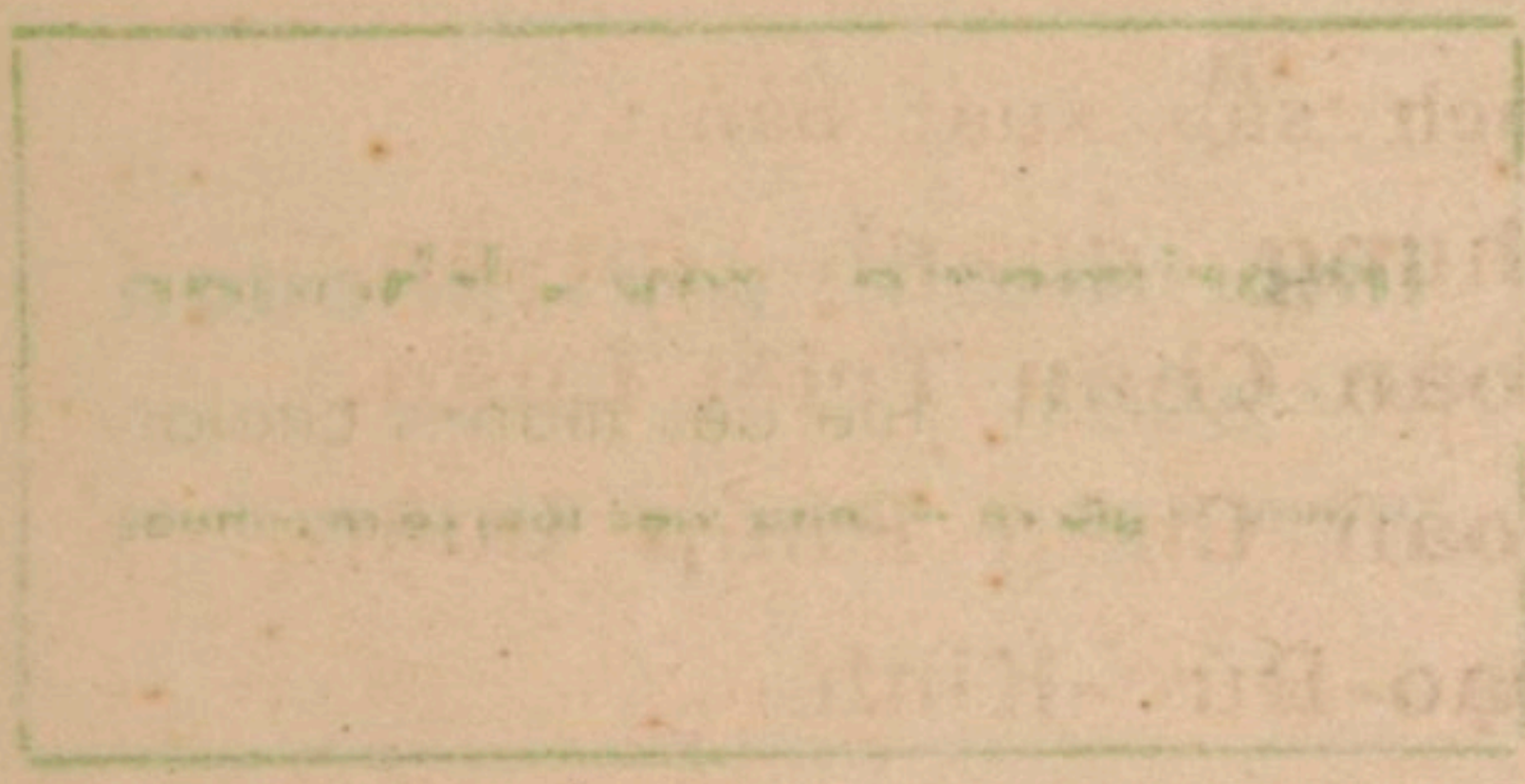

imprimerie my - khouan
227-229-231, rue des marins cholon
in mau — gia re — cong viec làm co my-thuat